TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 215/2024/QĐST- HNGĐ	*Châu Thành, ngày 15 tháng 7 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH BẾN TRE

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ vào Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;
- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;
- Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số: 254/2024/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2024 về việc yêu cầu *"Công nhận thuận tình ly hôn",* gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu:

- Ông **Lê Trung K,** sinh năm 1969;

Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

- Bà **Trần Thị Phương N,** sinh năm 1976;

Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Ông Lê Trung K và bà Trần Thị Phương N tự tìm hiểu, tự nguyện đến với nhau, cả hai kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre vào năm 2008. Sau khi kết hôn trong quá trình sống chung hạnh phúc được khoảng thời gian đầu, sau đó hai bên phát sinh mâu thuẫn do không hợp nhau, thường xuyên cự cãi. Nay ông Lê Trung K và bà Trần Thị Phương N cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Xét thấy, hôn nhân ông K và bà N mâu thuẫn đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn là phù hợp theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: Ông Lê Trung K và bà Trần Thị Phương N có 02 con chung là Lê Trần Phương A, sinh ngày 06/4/2009 và Lê Việt T, sinh ngày 12/7/2011. Sau khi ly hôn, hai vợ chồng thỏa thuận Ông Lê Trung K được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và bà Trần Thị Phương N không phải cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung: Hai bên tự thoả thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Hai bên khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Lệ phí: Ông K tự nguyện chịu là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng)

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Ông Lê Trung K và bà Trần Thị Phương N thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông Lê Trung K và bà Trần Thị Phương N có 02 con chung là Lê Trần Phương A, sinh ngày 06/4/2009 và Lê Việt T, sinh ngày 12/7/2011. Sau khi ly hôn, hai vợ chồng thỏa thuận ông Lê Trung K được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung. Ghi nhận việc ông Lê Trung K không yêu cầu bà Trần Thị Phương N cấp dưỡng nuôi con.

Bà Trần Thị Phương N được quyền thăm nom chăm sóc giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản. Tuy nhiên, vì quyền và lợi ích của con chung, một hoặc hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Hai bên tự thoả thuận nên không xét đến.

- Về nợ chung: Hai bên khai không có nên không xét đến.

2. Lệ phí việc dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), ông Lê Trung K tự nguyện chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000510 ngày 20/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Ông Lê Trung K đã nộp xong lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre;
- UBND xã Lương Hoà, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre (Số ĐKKH 38/2008);
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN
(ĐÃ KÝ)

Trần Nguyễn Trọng Hiếu